

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN TRIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 4 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	43/43	1.1m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	35	35/1679 học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm	8	8/273 học sinh
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9063	4,7 m ² /học sinh
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	738	0,4 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	1.1 m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	24	/
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	/	/
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	/
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	/	/
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	112 m ²	/
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24 m ²	/
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	/
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	/	/
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	42	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	09	1bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	09	1bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	08	1bộ/lớp

1.4	Khối lớp 4	09	1bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	08	1bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	54	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	44	1cái/lớp
2	Cát xét	0	1cái/3lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	05	
5	Thiết bị khác...	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	80
XI	Nhà ăn	330

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	03		12/12		0. 2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thủ Đức, ngày 04 tháng 9 năm 2024



Nguyễn Ngọc Hải Đăng